

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

N° de notariisation: **Số công chứng: 00 SPECIMEN 00/2026** — Hà Nội, 20/2/2026

## VĂN BẢN THỎA THUẬN VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG

Convention de biens matrimoniaux (accord préuptial) · conformément à la loi de 2014 sur le mariage et la famille

Vu : la loi de 2014 sur le mariage et la famille n° 52/2014/QH13 (Điều 47–50) ; le décret 126/2014/NĐ-CP ; le Code civil de 2015 ; et la libre volonté des deux parties,

### L'ÉPOUX (PARTIE A)

Ông JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE

Pháp (France) — cá nhân nước ngoài Nationalité

00 SPECIMEN 00 N° de passeport

### L'ÉPOUSE (PARTIE B)

Bà NGUYỄN THỊ <SPECIMEN>

Việt Nam Nationalité

CCCD 001 SPECIMEN 001 N° de carte d'identité (CCCD)

### CLAUSES DE L'ACCORD

#### ① Điều 1. Căn cứ thỏa thuận

Ông JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE (quốc tịch Pháp) và Bà NGUYỄN THỊ <SPECIMEN> (quốc tịch Việt Nam), dự định đăng ký kết hôn, tự nguyện lập văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng theo Điều 47–50 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 và Nghị định 126/2014/NĐ-CP.

#### ② Điều 2. Chế độ tài sản được lựa chọn

Hai bên thỏa thuận áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận (không áp dụng chế độ tài sản pháp định), tách bạch tài sản riêng của mỗi bên và tài sản chung của vợ chồng theo Điều 48. Văn bản có hiệu lực kể từ ngày đăng ký kết hôn.

#### ③ Điều 3. Tài sản riêng của Chồng

Căn hộ số 1804, tầng 18, dự án THE LAKE VIEW <specimen>, KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (nhận chuyển nhượng trước khi kết hôn) là tài sản riêng của Chồng, không thuộc khối tài sản chung của vợ chồng trong suốt thời kỳ hôn nhân.

#### ④ Điều 4. Tài sản riêng của Vợ

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại <specimen>, phường Xuân La, quận Tây Hồ cùng sổ tiết kiệm số 0 SPECIMEN 0 tại Ngân hàng <SPECIMEN>bank là tài sản riêng của Vợ, hình thành trước hôn nhân.

#### ⑤ Điều 5. Tài sản chung và nghĩa vụ chung

Thu nhập, tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, ngoài các tài sản đã liệt kê tại Điều 3 và Điều 4, là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng; việc quản lý, sử dụng, định đoạt phải có sự thỏa thuận của cả hai bên.

#### ⑥ Điều 6. Hiệu lực, sửa đổi và cam kết

Văn bản có hiệu lực kể từ ngày công chứng và ngày đăng ký kết hôn (Điều 47), chỉ được sửa đổi, bổ sung, chấm dứt bằng văn bản công chứng mới (Điều 49). Hai bên cam đoan hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận.

POUR L'ÉPOUX

Signature, nom complet

POUR L'ÉPOUSE

Signature, nom complet

<SPECIMEN>

<SPECIMEN>

# Le *Văn bản thỏa thuận tài sản vợ chồng* (accord pré-nuptial), clause par clause

Une convention de biens matrimoniaux fixe les biens qui restent propres à chacun — essentiel lorsqu'un des époux est étranger et que le logement du couple est un appartement à Hanoï. Avant de signer, vérifiez six clauses. Les repères ①–⑥ renvoient au fac-similé de la page précédente. Document specimen — données fictives.

## ① Parties et base légale — Căn cứ thỏa thuận

Vérifiez que les deux époux sont correctement identifiés (**nom complet, nationalité, carte d'identité/passeport**) et que la convention cite **Điều 47–50 de la loi de 2014 sur le mariage et la famille** — le seul fondement juridique valable pour le choix d'un régime matrimonial.

**RED FLAG** Absence de référence à la loi sur le mariage et la famille, ou document se limitant à une lettre privée plutôt qu'à un acte notarié.

## ② Régime matrimonial choisi — Chế độ tài sản theo thỏa thuận

Le régime par défaut au Vietnam est la communauté de biens ; les époux peuvent toutefois opter pour un **régime conventionnel** qui maintient séparés les biens de chacun. La convention doit préciser clairement le régime applicable et sa date de prise d'effet.

**RED FLAG** La convention ne précise pas le régime choisi, ou omet la date de prise d'effet.

## ③ Biens propres de l'Époux — Tài sản riêng của Chồng

L'appartement de l'époux étranger — **acquis avant le mariage** — doit être répertorié ici comme son bien propre, ce qui l'exclut de la masse commune et le maintient dans son quota individuel de propriété réservé aux étrangers.

**RED FLAG** L'appartement n'est pas répertorié comme bien propre, ce qui l'expose à un partage à 50/50 en cas de divorce.

## ④ Biens propres de l'Épouse — Tài sản riêng của Vợ

Tout droit d'usage du sol, épargne ou bien que l'épouse vietnamienne possédait avant le mariage doit être répertorié de façon symétrique, avec suffisamment de détails (adresse, n° de compte) pour identifier chaque bien.

**RED FLAG** Seuls les biens d'un des époux sont détaillés — une convention déséquilibrée est plus facile à contester en justice.

## ⑤ Biens communs et obligations communes — Tài sản chung, nghĩa vụ chung

Tout ce qui est acquis conjointement après le mariage — revenus, achats communs — demeure un **bien commun** nécessitant le consentement des deux époux pour être vendu, hypothéqué ou donné.

**RED FLAG** Aucune clause concernant les biens communs futurs, laissant une ambiguïté pour tout achat postérieur au mariage.

## ⑥ Date d'effet et notariatisation — Hiệu lực, công chứng

La convention n'est valable qu'une fois **notariée (công chứng)**, et prend effet à la date d'enregistrement du mariage ; toute modification requiert un nouvel acte notarié.

**RED FLAG** La convention n'est pas signée par un notaire, ou est modifiée ultérieurement par simple lettre annexe.

Document SPECIMEN à des fins pédagogiques — mise en page simplifiée inspirée d'une convention de biens matrimoniaux prévue par la loi de 2014 sur le mariage et la famille, remplie avec des données fictives. Il ne s'agit pas d'un document officiel, il n'a aucune valeur juridique et ne reproduit aucun sceau réel. Ceci ne constitue pas un conseil juridique : faites systématiquement vérifier toute convention par un avocat vietnamien agréé avant de signer.